**TIẾT 9**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (Sách kết nối tri thức)**

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thờiđiểmkiểmtra: Kiểmtragiữahọckì I, khikếtthúcnội dung:

1. Ngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ

2. Cơcấuhệthốnggiáodụcquốcdân

3. Thị trườnglaođộngkĩthuật, côngnghệtại Việt Nam

- Thờigianlàmbài: 45 phút.

- Hìnhthứckiểmtra: Kếthợpgiữatrắcnghiệmvàtựluận (tỉlệ 70% trắcnghiệm, 30% tựluận).

- Cấutrúc:

- Mứcđộđề: 40% Nhậnbiết; 30% Thông hiểu; 20% Vậndụng; 10% Vậndụngcao.

- Phầntrắcnghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câuhỏi (ở mứcđộNhậnbiết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

- Phầntựluận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vậndụngcao: 1 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủđề** | **Nội dung/đơnvịkiếnthức** | **Sốtiết/đơnvịkiếnthức** | **Mứcđộ đánhgiá** | **Tổngsốcâu/ý** | **Tổng % điểm** | **Tổngđiểm** |
| **Nhậnbiết** | **Thông hiểu** | **Vậndụng** | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Định hướngnghềnghiệp** | 1.1Nghềnghiệptronglĩnhvựckĩthuậtvàcôngnghệ | 2 | 2 | 2 |   |  1 |   |   | 4 | 1 | 28,50 | 3,00 |
| 1.2.Cơcấuhệthốnggiáodụcquốcdân | 3 | 8 | 8 |   |  |   |   | 16 | 0 | 43,00 | 4,00 |
| 1.3. Thị trườnglaođộngkĩthuật, côngnghệtại Việt Nam | 2 | 6 | 2 |   |   |   | 1 | 8 | 1 | 28,50 | 3,00 |
| **Tổng** | **7** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100,0** | **10,00** |
| **Tỉlệ %** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉlệchung** |  | **70%** | **30%** |  |  | **100%** |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dungkiếnthức** | **Đơn vị****kiến thức** | **Mức độ kiếnthức, kĩnăngcầnkiểmtra, đánhgiá** | **Số câu hỏi theo mức độ** **nhậnthức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1** | ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP | 1.1.Ngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ | **Nhậnbiết:*** Trìnhbàyđượckháiniệmnghềnghiệp.

Trìnhbàyđượctầmquantrọngcủanghềnghiệpđốivới con ngườivàxãhội.* Kểtênđượcmộtsốngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ.
* Trìnhbàyđượcnhữngđặcđiểmcủacácngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ.
* Trìnhbàyđượcnhữngyêucầuchungcủacácngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ.

**Thông hiểu:*** Phântíchđược ý nghĩacủaviệclựachọnđúngđắnnghềnghiệpcủamỗingười.
* Phântíchđượcnhữngđặcđiểmcủacácngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ.

Phântíchđượcnhữngyêucầuchungcủacácngànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ.**Vậndụng:**- Phátbiểuđượcquanđiểmcánhânvềviệclựachọnnghềnghiệpcủabảnthân.- Xácđịnhđượcsựphùhợpcủabảnthânvớingànhnghềtronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệ. | **2** | **2** | **1** |  |
| 1.2.Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân | **Nhậnbiết:*** Kểtênđượcnhữngthànhtốchínhtronghệthốnggiáodụctại Việt Nam.
* Nhậnrađượccácthờiđiểmcósựphânluồngtronghệthốnggiáodục.

-Nhậnrađượccơhộilựachọnnghềnghiệpkĩthuật, côngnghệtronghệthốnggiáodục.* Trìnhbàyđượcnhữnghướngđiliênquantớinghềnghiệptronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệsaukhikếtthúc THCS.

**Thông hiểu:*** Môtảđượccơcấuhệthốnggiáodụctại Việt Nam.

- Giảithíchđượccácthờiđiểmcósựphânluồngtronghệthốnggiáodục.*-*Giảithíchđượccơhộilựachọnnghềnghiệpkĩthuật, côngnghệtronghệthốnggiáodục.* Giảithíchđượcnhữnghướngđiliênquantớinghềnghiệptronglĩnhvựckĩthuật, côngnghệsaukhikếtthúc THCS.

**Vậndụng:**Tìmhiểuđượcthông tin vềcáccơsởgiáodụcnghềnghiệptronglĩnhvựckĩthuật, công nghệ. |  **8** | **8** |  |  |
| 1.3. Thịtrườnglaođộngkĩthuật, côngnghệtạiViệt Nam | **Nhậnbiết:*** Trìnhbàyđượckháiniệmvềthịtrườnglaođộng.
* Trìnhbàyđượccácyếutốảnhhưởngtớithịtrườnglaođộng.

Trìnhbàyđượcvaitròcủathịtrườnglaođộngtrongviệcđịnhhướngnghềnghiệpthuộclĩnhvựckĩthuật, côngnghệ.* Trìnhbàyđượccácthông tin vềthịtrườnglaođộngtronglĩnhvựckĩthuậtvàcôngnghệ.

**Thông hiểu:**- Môtảđượcnhữngvấnđềcơbảncủathịtrườnglaođộngtại Việt Nam hiện nay.* Phântíchđượccácthông tin vềthịtrườnglaođộngtronglĩnhvựckĩthuậtvàcôngnghệ.

**Vậndụng:**Tìmkiếmđượccácthông tin vềthịtrườnglaođộngtronglĩnhvựckĩthuậtvàcôngnghệ. | **6** | **2** |  | **1** |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉlệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉlệchung** | **70%** | **30%** |

III.ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

**A/ Phần trắc nghiệm: (7 điểm)**

 ***Chọn và tô đen vào một ô tròn tương ứng với phương án em cho là đúng*** *(Mỗi câu đúng được 0,25 điểm).*

**Câu 1:** Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp đối với cá nhân là

|  |  |
| --- | --- |
| **A. phát huy khả năng làm việc và tăng hiệu suất lao động.**B. tạo ra thu nhập cao. | C. đảm bảo không bị thất nghiệp.D. chỉ đáp ứng được sở thích cá nhân. |

**Câu 2:**Nghề nghiệp nào dưới đây thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thợ may. | **B. Kỹ sư xây dựng** | C. Đầu bếp. | D. Bác sĩ |

**Câu 3:** Nghề nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

A. Giúp tạo ra công việc cho mọi người.

B. Chỉ giúp tăng thu nhập cho cá nhân.

C. Không có ảnh hưởng gì đối với xã hội.

**D. Giúp tránh lãng phí nguồn lực và hạn chế tình trạng thất nghiệp.**

**Câu 4:** Yêu cầu nào dưới đây là yêu cầu chung về năng lực đối với người lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

A. Sức khỏe, thị giác, thính giác yếu.

B. Trình độ kiến thức, chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm.

**C. Có năng lực phân tích, sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc nhóm.**

D. Không có khả năng tự học (ngoại ngữ, tin học,…).

**Câu 5:** Giáo dục nghề nghiệp bao gồm

###### A. Trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.

B. Trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

C. Trình độ giáo dục thường xuyên.

D. Trình độ giáo dục phổ thông và trình độ giáo dục đại học.

**Câu 6:** Giáo dục thường xuyên dành cho những đối tượng nào?

A. Người ở lứa tuổi từ lớp 10 đến lớp 12, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.

###### B. Người ở các lứa tuổi và trình độ, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.

C. Người ở lứa tuổi từ lớp 6 đến lớp 9, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.

D. Người ở lứa tuổi từ năm 1 đến năm 2 đại học, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.

**Câu 7:** Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ của học sinh có thể thực hiện ở mấy thời điểm?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 thời điểm phân luồng. B. 4 thời điểm phân luồng. | C. 5 thời điểm phân luồng.D. 6 thời điểm phân luồng. |

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về giáo dục phổ thông?

A. Giáo dục tiểu học bao gồm 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5).

B. Giáo dục trung học cơ sở bao gồm 4 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9).

C. Giáo dục trung học phổ thông bao gồm 3 lớp (từ lớp 10 đến lớp 12).

###### D. Giáo dục trình độ sơ cấp đào tạo từ 3 tháng đến dưới 1 năm học.

**Câu 9:** Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam bao gồm?

###### A. Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

B. Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

C. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông.

D. Giáo dục mầm non và giáo dục đại học.

**Câu 10:** Lựa chọn từ còn thiếu vào chỗ trống khi nói về khái niệm phân luồng trong giáo dục

*Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện (1) ... trong giáo dục, tạo (2) ... để học sinh tốt nghiệp (3) ..., (4) ... tiếp tục học ở cấp học.*

A. (1) đào tạo; (2) điều kiện; (3) trung học phổ thông; (4) đại học.

B. (1) đào tạo; (2) điều kiện; (3) trung học cơ sở; (4) trung học phổ thông.

###### C. (1) hướng nghiệp; (2) tiền đề; (3) trung học cơ sở; (4) trung học phổ thông.

D. (1) hướng nghiệp; (2) điều kiện; (3) tiểu học; (4) trung học cơ sở.

**Câu 11:** Vai trò của nghề quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính là gì?

###### A. Đảm bảo vận hành và an toàn, bao gồm cả dữ liệu, phần cứng, phần mềm, mạng và hệ điều hành.

B. Đào tạo chuyên sâu về mạng máy tính và an ninh mạng.

C. Làm việc tại các công ty chuyên về an ninh mạng.

D. Đảm bảo vận hành dữ liệu an ninh mạng.

**Câu 12:** Nhóm ngành nào được đào tạo từ trình độ trung cấp đến tiến sĩ?

A. Nhóm ngành an toàn thông tin có đào tạo, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện.

B. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật vật liệu xây dựng và công nghệ kĩ thuật cơ điện tử, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện.

C. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện tử - viễn thông.

###### D. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện.

**Câu 13:** Giáo dục đại học dành cho những đối tượng nào?

A. Dành cho người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ thạc sĩ; dành cho trình độ tiến sĩ.

B. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ tiến sĩ.

C. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

###### D. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ thạc sĩ; dành cho trình độ tiến sĩ.

**Câu 14:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về hướng đi của học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở?

A. Vào học tại các trường trung học phổ thông (công lập hoặc tư thục).

###### B. Vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc vào học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

C. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

D. Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về giáo dục đại học?

* A. Trình độ đại học dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp mà đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng (đào tạo từ 3 đến 5 năm).

###### B. Trình độ trung cấp dành cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đào tạo (từ 2 đến 3 năm).

C. Trình độ thạc sĩ dành cho người tốt nghiệp trình độ đại học (đào tạo từ 1 đến 2 năm).

D. Trình độ tiến sĩ tiếp nhận người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ hoặc đại học nếu đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo (đào tạo từ 3 đến 4 năm).

**Câu 16:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của việc phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân?

###### A. Góp phần đào tạo nhân lực lao động làm việc, là tiền đề phát triển kinh tế đất nước.

B. Tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội.

C. Hướng nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

D. Góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

**Câu 17:** Muốn trở thành nhà quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính có thể làm việc tại đâu?

A. Làm việc tại các công ty viễn thông lớn hay các ngân hàng.

###### B. Làm việc tại các công ty chuyên về dữ liệu, các bộ phận quản trị mạng và dữ liệu của công ty, các công ty viễn thông lớn hay các ngân hàng.

C. Làm việc tại cục an ninh mạng quốc gia.

D. Làm việc tại các công ty chuyên về dữ liệu, các bộ phận quản trị mạng và các cơ sở nghiên cứu khoa học.

**Câu 18:** Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành bởi Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 bao gồm bao nhiêu bậc tương ứng với bao nhiêu cấp bậc trình độ đào tạo?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 bậc tương ứng với 5 trình độ đào tạo.B. 6 bậc tương ứng với 1 trình độ đào tạo. | C. 8 bậc tương ứng với 6 trình độ đào tạo.D.10 bậc tương ứng với 7 trình độ đào tạo. |

**Câu 19:** Hướng đi phù hợp với những học sinh mong muốn nhanh chóng tham gia vào thị trường là gì?

A. Học tập mô hình đào tạo 9+ theo Tổng cục Dạy nghề, Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

B. Học tập mô hình 9+ theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

C. Học tập mô hình 9+ theo Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

###### D. Học tập mô hình 9+ theo Tổng cục Dạy nghề, Lao động – Thương binh ban hành.

**Câu 20:** Ưu điểm của mô hình đào tạo 9+ so với các hệ đào tạo cùng bậc hiện nay là gì ?

###### A. Học sinh gặp khó khăn trong việc di chuyển giữa hai trường để vừa học văn hóa và học nghề.

B. Vừa được học, vừa được trải nghiệm thực tế, không nhàm chán.

C. Sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng làm việc ngay, không mất thời gian thử việc.

D. Giúp giải quyết khó khăn trong khâu phân luồng, giảm tải tình trạng thừa thầy thiếu thợ, thất nghiệp sau khi tốt nghiệp vì thiếu kỹ năng, không đáp ứng được công việc thực tế…

**Câu 21:**Bước đầu tiên trong quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động là

|  |  |
| --- | --- |
| A. tiến hành tìm kiếm.B. xác định nguồn thông tin | **C. xác định mục tiêu tìm kiếm.**D. xác định công cụ tìm kiếm. |

**Câu 22:** Thị trường lao động luôn thay đổi bởi tác động của mấy yếu tố chính?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | * B. 2.
 | * C. 3
 | * **D. 4**
 |

**Câu 23:** Công cụ nào dưới đây **không** phù hợp để tìm kiếm thông tin về thị trường lao động?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * **A. Phương tiện giao thông.**
 | * B. Thư viện
 | * C. Tạp chí
 | * D. Internet.
 |

**Câu 24:** Cơ sở đào tạo nào có vai trò quan trọng trong việc đào tạo lao động phù hợp với thị trường lao động?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Trường đại học, cao đẳng, trung cấp.**B. Trường tiểu học. | C. Trường trung học cơ sở.D. Trường trung học phổ thông. |

**Câu 25:** Yếu tố nào **không** ảnh hưởng đến thị trường lao động?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sự phát triển của khoa học và công nghệ.**B. Sự thay đổi về cơ sở hạ tầng.** | C. Nguồn cung lao động.D. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. |

**Câu 26:** Chọn phát biểu **sai** về thị trường lao động.

A. Người sử dụng lao động là bên mua.

B. Người lao động là bên bán.

**C. Hàng hóa sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.**

D. Hàng hóa sức lao động chỉ là thể lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.

**Câu 27:** Xu hướng của thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay là gì ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Xu hướng cung và cầu cân bằng.B. Xu hướng không rõ ràng. | C. Xu hướng cầu lớn hơn cung.**D. Xu hướng cung lớn hơn cầu.** |

**Câu 28:**Vì sao sự đổi mới công nghệ lại ảnh hưởng đến thị trường lao động?

**A. Vì công nghệ mới thường tạo ra nhu cầu mới về lao động chất lượng cao.**

B. Vì sự đổi mới công nghệ giúp giảm bớt nhu cầu về lao động.

C. Vì sự đổi mới công nghệ thường dẫn đến việc cải thiện năng suất lao động.

D. Vì sự đổi mới công nghệ không ảnh hưởng đến thị trường lao động.

**B/ Phần tự luận: (3 điểm )**

**Câu 29**: (2,0 điểm) Vì sao nghề nghiệp có tầm quan trọng như nào đối với con người và xã hội ?

**Câu 30:** (1,0 điểm) Theo Hình 3.2 và cho biết những nội dung nào đã được thoả thuận trong hoạt động tuyển dụng ? Theo em hoạt động tuyển dụng nào quan trọng nhất ? Vì sao ?



 -----------------Hết---------------

IV/ **HƯỚNG DẪN CHẤM – ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CÔNG NGHỆ 9 GIỮA KÌ 1**

**I. Trắc nghiệm: 7 điểm *Mỗi câu đúng được 0,25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án  | A | B | D | C | A | B | A | D | A | C | A | D | D | B |
| Câu  | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| Đáp án  | B | A | B | C | D | A | C | D | D | A | B | C | D | A |

**II. Phần : Tự luận (3 điểm )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  **29** |  - **Đối với con người**: Nghề nghiệp không chỉ mang lại cho chúng ta nguồn thu nhập ổn định bền vững để chăm lo cho bản thân mà còn tạo ra mmoi trường để chúng ta phát triển nhân cách phát huy năng lực sở trường, giúp chúng ta thỏa mãn đam mê và khát khao tạo nên niềm vui hạnh phúc trong cuộc sống.- **Đối với xã hội.** Nghề nghiệp góp phần:+Tạo ra sản phẩm vật chất tình thần đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.+Thúc đẩy phát triển kinh tế đem lại phồn vinh cho xã hội.+Giảm các tệ nạn xã hội đảm bảo kỉ cương ổn định xã hội. | 11 |
|  **30** | -Nội dung được thỏa thuận trong hoạt động tuyển dụng ở Hình 3.2 là: mức lương, điều kiện làm việc, vị trí công việc, thời gian bắt đầu làm việc.- Tùy theo câu trả lời của HS : đúng nội dung, giải thích hợp lý vẫn cho điểm tối đa. | 0,50,5 |